

Công ty Cổ phần VNG

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2017

Công ty Cổ phần VNG

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 43

Công ty Cổ phần VNG

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần VNG (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 4103002645 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 9 tháng 9 năm 2004 và 34 lần đăng ký thay đổi sau đó (số 0303490096).

Ngày 24 tháng 3 năm 2017, Công ty đã nhận được GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 34 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty từ Số 322B Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam sang Số 52 Nguyễn Ngọc Lộc, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có 11 công ty con trực tiếp được trình bày tại Thuyết minh số 13.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, hai công ty con gián tiếp là Công ty TNHH Truyền thông Minh Phương Thịnh và VNG Singapore Pte. Ltd., hai công ty liên kết trực tiếp là All Best Asia Group Limited và Công ty Cổ phần Ti Ki và một công ty liên kết gián tiếp là Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Truyền thông Thanh Sơn.

Hoạt động chính được đăng ký theo các GCNĐKKD của Công ty bao gồm:

- ▶ nghiên cứu và phát triển phần mềm;
- ▶ điều hành và phân phối các trò chơi trực tuyến;
- ▶ quảng cáo trực tuyến;
- ▶ thương mại điện tử;
- ▶ sản xuất linh kiện, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, thiết bị truyền thông và đồ gia dụng;
- ▶ bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông, thiết bị nghe nhìn, đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác;
- ▶ cung cấp dịch vụ thu hộ cước phí và dịch vụ giá trị gia tăng: dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xây dựng, lưu trữ và khai thác cơ sở dữ liệu; và
- ▶ dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông và internet: dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý số liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ trao đổi dữ liệu điện tử, và các dịch vụ khác chưa phân loại: dịch vụ thông tin qua điện thoại, hoạt động ghi âm (trừ karaoke), hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi, buôn bán thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông, tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính.

Công ty được chấp thuận việc đăng ký công ty đại chúng theo Công văn số 80/CQĐĐ-NV do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“SSC”) ban hành ngày 29 tháng 1 năm 2011.

Theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ban hành bởi Bộ Tài chính vào ngày 6 tháng 10 năm 2015, Công ty được phân loại là công ty đại chúng quy mô lớn.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 52 Nguyễn Ngọc Lộc, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và văn phòng tại số 182 Lê Đại Hành, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần VNG

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Hồng Minh	Chủ tịch
Ông Vương Quang Khải	Thành viên
Ông Vũ Việt Sơn	Thành viên
Ông Bryan Fredric Pelz	Thành viên
Ông Lau Chi Ping Martin	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Phương Thùy	Thành viên
Ông Rachan Reddy	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Hồng Minh	Tổng Giám đốc
Ông Johnny Shen Hao	Phó Tổng Giám đốc Thường trực
Ông Vương Quang Khải	Phó Tổng Giám đốc Thường trực
Ông Nguyễn Hoàn Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Bà Huỳnh Mỹ Loan	Phó Tổng Giám đốc
Ông Thomas Loc Herron	Giám đốc Phát triển doanh nghiệp

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Hồng Minh.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần VNG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần VNG ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình chuẩn bị báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty là công ty mẹ của 11 công ty con trực tiếp, hai công ty con gián tiếp và hai công ty liên kết trực tiếp ("Nhóm Công ty") và báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất đã được phát hành riêng rẽ.

Người sử dụng cần đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Lê Hồng Minh
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

Số tham chiếu: 60752665/19485403

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần VNG

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần VNG (“Công ty”) được lập ngày 14 tháng 8 năm 2017 và được trình bày từ trang 6 đến trang 43 bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.


Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này và báo cáo soát xét của chúng tôi đề ngày 14 tháng 8 năm 2017 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Maria Cristina M. Calimbas
Rho Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN Kiểm toán
Số: 1073-2014-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.855.040.591.265	1.821.376.985.030
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	331.591.825.931	428.991.663.003
111	1. Tiền		36.647.825.931	54.391.663.003
112	2. Các khoản tương đương tiền		294.944.000.000	374.600.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		731.965.000.000	324.690.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	731.965.000.000	324.690.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		619.568.540.654	899.424.960.929
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	199.429.571.808	269.136.420.703
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	6.459.081.125	8.808.926.619
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	250.143.473.900	250.143.473.900
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	185.957.210.022	390.435.068.200
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(22.420.796.201)	(19.098.928.493)
140	IV. Hàng tồn kho		9.197.583.244	7.399.559.425
141	1. Hàng tồn kho	9	9.738.615.069	7.940.591.250
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	9	(541.031.825)	(541.031.825)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		162.717.641.436	160.870.801.673
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	161.626.673.282	159.540.191.791
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.090.968.154	1.330.609.882
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.477.834.135.213	1.257.094.531.740
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		8.734.628.988	8.273.735.488
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	485.000.000	485.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	8.249.628.988	7.788.735.488
220	II. Tài sản cố định		175.648.295.849	128.948.451.732
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	59.972.692.243	54.961.480.455
222	Nguyên giá		423.627.768.148	400.380.557.620
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(363.655.075.905)	(345.419.077.165)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	115.675.603.606	73.986.971.277
228	Nguyên giá		499.265.515.870	446.925.446.870
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(383.589.912.264)	(372.938.475.593)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		52.388.581.895	29.030.414.586
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	52.388.581.895	29.030.414.586
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	13	1.101.194.796.197	954.194.796.197
251	1. Đầu tư vào công ty con		610.322.663.816	580.322.663.816
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		399.092.429.201	399.092.429.201
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(25.220.296.820)	(25.220.296.820)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		117.000.000.000	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		139.867.832.284	136.647.133.737
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	133.467.441.811	130.782.361.414
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.3	6.400.390.473	5.864.772.323
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.332.874.726.478	3.078.471.516.770

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		883.781.874.376	661.826.994.766
310	I. Nợ ngắn hạn		876.287.484.184	653.583.650.866
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15.1	384.735.293.984	247.211.756.883
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.2	3.552.969.037	1.686.887.920
313	3. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	16	84.419.350.461	96.426.160.593
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	267.120.218.234	291.101.924.479
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	18	23.729.384.262	15.492.264.184
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	112.730.268.206	1.664.656.807
330	II. Nợ dài hạn		7.494.390.192	8.243.343.900
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	455.238.000	378.238.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	20	7.039.152.192	7.865.105.900
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	21	2.449.092.852.102	2.416.644.522.004
410	I. Vốn chủ sở hữu		2.449.092.852.102	2.416.644.522.004
411	1. Vốn cổ phần		330.902.300.000	330.902.300.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		504.346.370.853	504.346.370.853
415	3. Cổ phiếu quỹ		(1.327.713.307.660)	(974.872.233.960)
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2.941.557.488.909	2.556.268.085.111
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		2.556.268.085.111	2.258.538.245.082
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của kỳ nay		385.289.403.798	297.729.840.029
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.332.874.726.478	3.078.471.516.770



Đoàn Thanh Thủy
Người lập



Lê Trung Tín
Kế toán trưởng



Lê Hồng Minh
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
1	1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	1.698.762.774.045	896.001.601.420
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	1.698.762.774.045	896.001.601.420
11	3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	(883.378.669.707)	(547.522.065.124)
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		815.384.104.338	348.479.536.296
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	34.599.905.483	26.203.826.725
22	6. Chi phí tài chính	23	(236.695.492)	(179.659.022)
25	7. Chi phí bán hàng	25	(203.765.638.763)	(170.256.538.459)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(149.898.116.234)	(135.433.110.352)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		496.083.559.332	68.814.055.188
31	10. Thu nhập khác		1.198.436.618	900.181.154
32	11. Chi phí khác	24	(12.696.895.503)	(1.024.138.753)
40	12. Lỗ khác		(11.498.458.885)	(123.957.599)
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		484.585.100.447	68.690.097.589
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(99.831.314.799)	(11.717.163.696)
52	15. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	26.3	535.618.150	(2.822.824.182)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		385.289.403.798	54.150.109.711

Đoàn Thanh Thủy
Người lập

Lê Trung Tín
Kế toán trưởng



Lê Hồng Minh
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		484.585.100.447	68.690.097.589
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế			
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10, 11	52.740.784.453	45.985.994.401
03	Các khoản dự phòng		3.321.867.708	2.597.120.289
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(16.784.555)	126.700.317
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(26.515.610.951)	(25.633.782.748)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		514.115.357.102	91.766.129.848
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		73.793.962.253	(622.203.989)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(1.798.023.819)	820.922.824
11	Tăng các khoản phải trả		136.151.427.014	79.398.658.153
12	Tăng chi phí trả trước		(7.040.765.287)	(62.144.311.268)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(112.000.000.000)	(11.963.458.925)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		603.221.957.263	97.255.736.643
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(147.099.185.733)	(55.519.589.388)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		9.592.826.274	1.344.998.587
23	Tiền (chi) thu thuần gửi kỳ hạn ngân hàng		(524.275.000.000)	374.720.044.000
24	Tiền cho vay đã thu hồi		-	500.000.000
25	Tiền chi đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết		(30.000.000.000)	(404.408.029.201)
27	Tiền lãi đã nhận		31.315.465.569	59.110.488.148
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(660.465.893.890)	(24.252.087.854)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	Tiền ký quỹ mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(40.172.685.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(40.172.685.000)	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
50	Lưu chuyển tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong kỳ		(97.416.621.627)	73.003.648.789
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		428.991.663.003	294.953.712.921
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		16.784.555	(126.700.317)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	331.591.825.931	367.830.661.393



Đoàn Thanh Thủy
Người lập



Lê Trung Tín
Kế toán trưởng



Lê Hồng Minh
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần VNG (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 4103002645 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 9 tháng 9 năm 2004 và 34 lần đăng ký thay đổi sau đó (số 0303490096).

Ngày 24 tháng 3 năm 2017, Công ty đã nhận được GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 34 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty từ số 322B Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam sang số 52 Nguyễn Ngọc Lộc, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có 11 công ty con trực tiếp được trình bày tại Thuyết minh số 13.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, hai công ty con gián tiếp là Công ty TNHH Truyền thông Minh Phương Thịnh và VNG Singapore Pte. Ltd., hai công ty liên kết trực tiếp là All Best Asia Group Limited và Công ty Cổ phần Ti Ki và một công ty liên kết gián tiếp là Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Truyền thông Thanh Sơn.

Hoạt động chính được đăng ký theo các GCNĐKKD của Công ty bao gồm:

- nghiên cứu và phát triển phần mềm;
- điều hành và phân phối các trò chơi trực tuyến;
- quảng cáo trực tuyến;
- thương mại điện tử;
- sản xuất linh kiện, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, thiết bị truyền thông và đồ gia dụng;
- bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông, thiết bị nghe nhìn, đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác;
- cung cấp dịch vụ thu hộ cước phí, dịch vụ giá trị gia tăng: dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xây dựng, lưu trữ và khai thác cơ sở dữ liệu; và
- dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông và internet: dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý số liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ trao đổi dữ liệu điện tử, và các dịch vụ khác chưa phân loại: dịch vụ thông tin qua điện thoại, hoạt động ghi âm (trừ karaoke), hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi, buôn bán thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông, tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính.

Công ty được chấp thuận việc đăng ký công ty đại chúng theo Công văn số 80/CQĐD-NV do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“SSC”) ban hành ngày 29 tháng 1 năm 2011.

Theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC (“Thông tư 155”) hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ban hành bởi Bộ Tài chính vào ngày 6 tháng 10 năm 2015, Công ty được phân loại là công ty đại chúng quy mô lớn.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 52 Nguyễn Ngọc Lộc, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và văn phòng tại số 182 Lê Đại Hành, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 1.300 người (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 1.281 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 13.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư 155 - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc 30 tháng 6 năm 2017 ("báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ") đề ngày 14 tháng 8 năm 2017.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán công cụ, dụng cụ, hàng khuyến mãi và thẻ trò chơi trả trước với giá trị được xác định bằng giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với công cụ, dụng cụ, hàng khuyến mãi và thẻ trò chơi trả trước thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác, sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất ký với Khu Chế Xuất Tân Thuận Đông số 258/TTC-NV.13 vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho thời hạn thuê 28 năm và số 078/TTC-NV.16 vào ngày 27 tháng 4 năm 2016 cho thời hạn thuê 25 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013, hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, các khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ dần vào chi phí dự án hay chi phí theo thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
Thiết bị truyền dẫn	3 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
Thiết bị khác	2 – 5 năm

Trường hợp các phần của một tài sản cố định hữu hình có thời hạn hữu dụng khác nhau, chi phí của phần đó được phân bổ hợp lý giữa các phần và được trích khấu hao riêng.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Phần mềm

Phần mềm được ghi nhận theo giá gốc và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng hữu ích ước tính và thời gian mua phần mềm.

Chi phí nghiên cứu và triển khai

Toàn bộ chi phí nghiên cứu được ghi nhận vào chi phí phát sinh trong kỳ.

Chi phí triển khai cho từng dự án chỉ được ghi nhận là tài sản cố định vô hình nếu Công ty đồng thời thỏa mãn được các điều kiện tính khả thi về mặt kỹ thuật đảm bảo cho việc hoàn thành và đưa tài sản cố định vô hình vào sử dụng hoặc để bán, Công ty dự định hoàn thành tài sản cố định vô hình để sử dụng hoặc để bán, Công ty có khả năng sử dụng hoặc bán tài sản cố định vô hình đó, tài sản cố định vô hình đó phải tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai, Công ty có đầy đủ các nguồn lực để hoàn tất các giai đoạn triển khai, bán hoặc sử dụng tài sản cố định vô hình đó; và có khả năng xác định một cách chắc chắn toàn bộ chi phí trong giai đoạn triển khai để tạo ra tài sản cố định vô hình đó. Chi phí phát triển không thỏa mãn những tiêu chuẩn trên được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 *Tài sản cố định vô hình* (tiếp theo)

Chi phí phát triển phần mềm trên trang web và phần mềm sử dụng nội bộ

Công ty ghi nhận tất cả chi phí phát triển phần mềm trên trang mạng và phần mềm sử dụng nội bộ phát sinh liên quan đến giai đoạn hoạch định và chi phí phát sinh liên quan đến việc sửa chữa hoặc bảo trì các trang mạng (website) và phần mềm hiện hành vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Chi phí phát sinh trong giai đoạn phát triển đáp ứng các tiêu chuẩn vốn hóa chi phí phát triển được vốn hóa và phân bổ trong thời gian sử dụng ước tính.

3.7 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc và bao gồm:

Trò chơi và phần mềm dở dang

Trò chơi và phần mềm dở dang đang thể hiện chi phí đã phát sinh liên quan đến việc phát triển trò chơi và phần mềm dở dang chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản dở dang

Tài sản dở dang đang thể hiện chi phí đã phát sinh liên quan đến việc mua sắm tài sản và xây dựng dở dang chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng, lắp đặt thiết bị và các chi phí phát sinh trực tiếp khác cho đến khi tài sản được hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Công ty không trích khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho đến khi tài sản sẵn sàng để đưa vào sử dụng.

3.8 *Thuê tài sản*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.9 *Các khoản đầu tư*

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát và các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 *Trợ cấp thôi việc phải trả*

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đang làm việc tại Công ty với tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ kế toán theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.11 *Các khoản phải trả và chi phí phải trả*

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày này theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.13 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt trong kỳ họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên.

3.14 *Cổ phiếu quỹ*

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.15 *Nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu*

Ban Giám đốc đã quyết định không hạch toán nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu trên báo cáo tài chính riêng cho đến khi quyền mua được thực hiện mà chỉ trình bày các thông tin liên quan đến các nghiệp vụ này trong thuyết minh số 28 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, do chưa có hướng dẫn cụ thể về cách hạch toán các nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được đo lường bằng giá thị trường của các khoản phải thu, loại trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Bên cạnh các yêu cầu cơ bản, Công ty có các chính sách ghi nhận doanh thu cụ thể sau đây:

Doanh thu trò chơi trực tuyến

Doanh thu được ghi nhận khi thẻ và/ hoặc mã số thẻ trò chơi trực tuyến hoặc tin nhắn và hợp tác thẻ cào điện thoại được bán cho người sử dụng theo như quy định của Công văn số 7932/BTC-CĐKT ngày 27 tháng 6 năm 2006 do Bộ Tài chính ban hành.

Doanh thu trò chơi trực tuyến bao gồm khoản chiết khấu trên mệnh giá của thẻ. Công ty ghi nhận doanh thu trên cơ sở thuần sau khi trừ các khoản chiết khấu cho các nhà phân phối.

Doanh thu dịch vụ quảng cáo trực tuyến

Doanh thu dịch vụ quảng cáo trực tuyến bao gồm doanh thu từ việc quảng cáo trên trang chủ của Công ty, trên trang chủ của các trò chơi trực tuyến dưới hình thức băng rôn, các địa chỉ kết nối và biểu tượng... được ghi nhận dựa trên thời gian thực tế mà các quảng cáo này xuất hiện trên trang web tương ứng.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.17 Giá vốn dịch vụ cung cấp

Giá vốn dịch vụ cung cấp chủ yếu bao gồm chi phí mua phần mềm ban đầu, phí phần mềm theo doanh thu, phí triển khai và điều hành trò chơi, các chi phí liên quan đến trung tâm dữ liệu và các chi phí chung trực tiếp khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ trong tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Tiền mặt	221.993.531	283.164.673
Tiền gửi ngân hàng	36.425.832.400	54.108.498.330
Các khoản tương đương tiền (*)	<u>294.944.000.000</u>	<u>374.600.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>331.591.825.931</u>	<u>428.991.663.003</u>

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng và được hưởng lãi suất dao động từ 0,8%/năm đến 5,5%/năm.

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn còn lại dưới một (1) năm và được hưởng lãi suất dao động từ 3,58%/năm đến 7,50%/năm.

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải thu khách hàng	84.556.814.673	245.194.350.690
<i>Trong đó:</i>		
- Công ty TNHH Truyền thông WPP	13.927.381.617	9.522.713.602
- Công ty Liên doanh TNHH Saatchi & Saatchi (Việt Nam)	8.002.187.588	4.278.573.421
- Google Inc	6.303.830.073	4.586.685.383
- Các khoản phải thu khách hàng khác	56.323.415.395	226.806.378.284
Phải thu các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 27</i>)	<u>114.872.757.135</u>	<u>23.942.070.013</u>
TỔNG CỘNG	<u>199.429.571.808</u>	<u>269.136.420.703</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(1.305.744.351)</u>	<u>(678.825.152)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>198.123.827.457</u>	<u>268.457.595.551</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Trả trước cho người bán	6.143.574.975	8.808.926.619
<i>Trong đó:</i>		
- Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Siêu Thuật	1.654.911.222	1.420.569.629
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex (PJICO)	1.207.102.422	-
- Công ty TNHH TOV	-	1.430.748.000
- Các khoản trả trước khác	3.281.561.331	5.957.608.990
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	315.506.150	-
TỔNG CỘNG	<u>6.459.081.125</u>	<u>8.808.926.619</u>

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn		
Ông Lê Hồng Minh (*)	250.143.473.900	250.143.473.900
Dài hạn		
Khác	485.000.000	485.000.000
TỔNG CỘNG	<u>250.628.473.900</u>	<u>250.628.473.900</u>

(*) Số tiền này là khoản cho Ông Lê Hồng Minh – Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty vay từ ngày 11 tháng 9 năm 2012. Khoản cho vay này không có tài sản thế chấp, có lãi suất 3,58%/năm và đáo hạn vào ngày 8 tháng 10 năm 2017 (Thuyết minh số 27).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn	185.957.210.022	390.435.068.200
Đặt cọc cho các hoạt động kinh doanh	67.547.680.640	67.565.306.640
Đặt cọc mua lại cổ phiếu đã phát hành (*)	39.560.212.500	243.724.701.200
Tiền lãi phải thu	38.615.613.595	36.970.463.437
Chi hộ	34.390.279.223	35.385.757.261
Tạm ứng cho nhân viên	5.376.267.151	5.599.646.096
Phải thu khác	467.156.913	1.189.193.566
Dài hạn		
Đặt cọc cho các hoạt động kinh doanh	8.249.628.988	7.788.735.488
TỔNG CỘNG	194.206.839.010	398.223.803.688
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(21.115.051.850)</u>	<u>(18.420.103.341)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>173.091.787.160</u>	<u>379.803.700.347</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khác</i>	71.015.413.893	276.236.043.350
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	123.191.425.117	121.987.760.338
<i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</i>	<u>(21.115.051.850)</u>	<u>(18.420.103.341)</u>
(*) Số tiền này thể hiện khoản đặt cọc cho các cổ đông hiện hữu để mua lại cổ phiếu đã phát hành của Công ty theo các hợp đồng chuyển nhượng cổ phiếu đã ký kết.		

9. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</u>		<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	7.619.973.721	-	6.694.869.582	-
Hàng khuyến mãi	1.417.729.336	(541.031.825)	1.245.721.668	(541.031.825)
Hàng hóa	630.571.466	-	-	-
Khác	70.340.546	-	-	-
TỔNG CỘNG	<u>9.738.615.069</u>	<u>(541.031.825)</u>	<u>7.940.591.250</u>	<u>(541.031.825)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị	Thiết bị truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Thiết bị khác	Tổng cộng
					VND
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	359.879.026.995	11.804.479.728	13.143.665.504	15.553.385.393	400.380.557.620
Mua trong kỳ	34.825.133.536	-	2.916.172.727	437.559.357	38.178.865.620
Thanh lý	(14.829.562.932)	-	(102.092.160)	-	(14.931.655.092)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	379.874.597.599	11.804.479.728	15.957.746.071	15.990.944.750	423.627.768.148
Trong đó:					
Chưa sử dụng	16.857.823.666	-	65.051.818	-	16.922.875.484
Đã khấu hao hết	305.715.906.171	1.464.887.091	9.969.123.302	14.761.237.597	331.911.154.161
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	(312.888.263.538)	(6.649.570.804)	(10.911.266.365)	(14.969.976.458)	(345.419.077.165)
Khấu hao trong kỳ	(21.228.689.380)	(1.708.570.052)	(745.706.134)	(337.275.103)	(24.020.240.669)
Thanh lý	5.682.149.769	-	102.092.160	-	5.784.241.929
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	(328.434.803.149)	(8.358.140.856)	(11.554.880.339)	(15.307.251.561)	(363.655.075.905)
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	46.990.763.457	5.154.908.924	2.232.399.139	583.408.935	54.961.480.455
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	51.439.794.450	3.446.338.872	4.402.865.732	683.693.189	59.972.692.243

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Phần mềm	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
			VND
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	445.337.521.006	1.587.925.864	446.925.446.870
Mua trong kỳ	67.140.844.000	-	67.140.844.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	10.158.750.000	-	10.158.750.000
Xóa sổ	(24.959.525.000)	-	(24.959.525.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	497.677.590.006	1.587.925.864	499.265.515.870
Trong đó:			
Đã khấu hao hết	315.828.871.006	343.759.098	316.172.630.104
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	(372.089.096.211)	(849.379.382)	(372.938.475.593)
Khấu hao trong kỳ	(28.514.886.994)	(205.656.790)	(28.720.543.784)
Xóa sổ	18.069.107.113	-	18.069.107.113
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	(382.534.876.092)	(1.055.036.172)	(383.589.912.264)
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	73.248.424.795	738.546.482	73.986.971.277
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	115.142.713.914	532.889.692	115.675.603.606

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Dự án VNG campus	48.944.975.455	22.829.886.460
Chi phí phát triển phần mềm trò chơi dở dang	2.273.500.000	5.035.500.000
Khác	1.170.106.440	1.165.028.126
TỔNG CỘNG	<u>52.388.581.895</u>	<u>29.030.414.586</u>

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 13.1)	610.322.663.816	580.322.663.816
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 13.2)	399.092.429.201	399.092.429.201
Đầu nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn (Thuyết minh số 13.3)	117.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	<u>1.126.415.093.017</u>	<u>979.415.093.017</u>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	<u>(25.220.296.820)</u>	<u>(25.220.296.820)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>1.101.194.796.197</u>	<u>954.194.796.197</u>

Công ty Cổ phần VNG

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.1 Đầu tư vào công ty con

Tên công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)		
Công ty Cổ phần Dịch vụ - Dữ liệu Công nghệ Thông tin Ví Na ("VinaData")	99,94	187.100.000.000	99,94	187.100.000.000	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin
Công ty Cổ phần Dịch vụ mạng Ví Na ("Vinanet")	99,50	124.073.818.913	99,50	124.073.818.913	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ giá trị gia tăng trên di động và mạng viễn thông, thương mại điện tử
Công ty TNHH Zion ("Zion")	100,00	90.075.000.000	100,00	60.075.000.000	Hanoi, Vietnam	Intermediary payment service
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ và Phần mềm Ví Na ("VinaTechSoft")	100,00	61.140.000.000	100,00	61.140.000.000	Hà Nội, Việt Nam	Dịch vụ cho thuê máy chủ, thông tin mạng và dịch vụ xử lý dữ liệu
Công ty TNHH Phát triển Phần mềm VNG ("VNGS")	100,00	60.000.000.000	100,00	60.000.000.000	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại
Công ty Cổ phần Công nghệ EPI ("EPI")	98,92	51.433.844.903	98,92	51.433.844.903	Hà Nội, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo trực tuyến, thiết kế trang web, phần mềm và các công nghệ truyền thông
Công ty TNHH Giải trí Long Đình ("Dragon Top")	100,00	20.000.000.000	100,00	20.000.000.000	Hà Nội, Việt Nam	Sản xuất và phân phối trò chơi trực tuyến
Công ty TNHH Nội dung số Nguyễn Bảo ("Nguyen Bao")	100,00	10.000.000.000	100,00	10.000.000.000	Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Sản xuất và phân phối trò chơi trực tuyến

Công ty Cổ phần VNG

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

Tên công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)		
Công ty TNHH Trung tâm dữ liệu VNG ("VNG Data Center")	100,00	5.000.000.000	100,00	5.000.000.000	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty TNHH VNG Online ("VNG Online")	100,00	1.000.000.000	100,00	1.000.000.000	Hà Nội, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin và sản xuất phần mềm các loại
Công ty Cổ phần Trực tuyến BP ("BP")	100,00	500.000.000	100,00	500.000.000	Nghệ An - Việt Nam	Sản xuất và phân phối trò chơi trực tuyến
TỔNG CỘNG		610.322.663.816		580.322.663.816		
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn vào Zion		(10.535.896.820)		(10.535.896.820)		
GIÁ TRỊ THUẬN		599.786.766.996		569.786.766.996		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư		
	%	VND	%	VND		
Công ty cổ phần Ti Ki	38,00	384.408.029.201	38,00	384.408.029.201	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Thương mại điện tử
Công ty All Best Asia Group Limited ("ABA")	50,00	14.684.400.000	50,00	14.684.400.000	Sheung Wan, HongKong	Thiết kế phần mềm
TỔNG CỘNG		399.092.429.201		399.092.429.201		
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn vào ABA		(14.684.400.000)		(14.684.400.000)		
GIÁ TRỊ THUẦN		384.408.029.201		384.408.029.201		

13.3 Đầu nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn còn lại trên một (1) năm và được hưởng lãi suất dao động từ 7,5/năm đến 7,6%/năm.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn	161.626.673.282	159.540.191.791
Phí phần mềm	144.065.963.269	131.069.366.609
Chi phí dịch vụ trả trước	13.193.969.478	21.268.775.786
Bản quyền âm nhạc	4.280.105.535	6.942.022.573
Khác	86.635.000	260.026.823
Dài hạn	133.467.441.811	130.782.361.414
Tiền thuê đất trả trước	106.912.171.605	109.181.375.004
Công cụ, dụng cụ	21.068.982.122	15.871.577.800
Chi phí sửa chữa văn phòng	4.778.337.765	4.785.980.086
Khác	707.950.319	943.428.524
TỔNG CỘNG	295.094.115.093	290.322.553.205

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

15.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải trả các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 27</i>)	371.101.989.211	200.207.639.296
Phải trả người bán	13.633.304.773	47.004.117.587
TỔNG CỘNG	<u>384.735.293.984</u>	<u>247.211.756.883</u>

15.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Google INC	1.800.890.771	357.855.076
Đối tượng khác	1.752.078.266	1.329.032.844
TỔNG CỘNG	<u>3.552.969.037</u>	<u>1.686.887.920</u>

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Thuế thu nhập doanh nghiệp	64.222.700.917	99.831.314.799	(112.000.000.000)	52.054.015.716
Thuế giá trị gia tăng	25.802.736.694	130.630.912.610	(132.993.695.949)	23.439.953.355
Thuế nhà thầu nước ngoài	6.073.572.245	182.753.736.740	(179.961.932.467)	8.865.376.518
Thuế thu nhập cá nhân	327.150.737	29.203.556.310	(29.470.702.175)	60.004.872
TỔNG CỘNG	<u>96.426.160.593</u>	<u>442.419.520.459</u>	<u>(454.426.330.591)</u>	<u>84.419.350.461</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phí phần mềm	151.868.947.764	166.821.604.661
Chi phí lương	48.105.453.186	101.326.871.002
Chi phí quảng cáo	27.721.482.176	13.277.023.424
Trích trước giảm doanh số	24.177.077.952	470.384.384
Mua tài sản cố định	5.123.250.000	6.846.000.000
Chi phí tiện ích	1.500.651.966	540.968.810
Chi phí nghiên cứu thị trường	650.051.150	650.051.150
Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp	474.494.000	512.000.000
Chi phí phải trả khác	<u>7.498.810.040</u>	<u>657.021.048</u>
TỔNG CỘNG	<u>267.120.218.234</u>	<u>291.101.924.479</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi phí phải trả đối tượng khác</i>	243.833.969.847	290.451.873.329
<i>Chi phí phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	<u>23.286.248.387</u>	<u>650.051.150</u>

18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn thể hiện phần tiền nhận trước từ khách hàng để thực hiện các dịch vụ quảng cáo.

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn	112.730.268.206	1.664.656.807
Phải trả mua lại cổ phiếu quỹ từ Công ty TNHH Quảng cáo và Đầu tư Hoa Anh Đào	108.503.900.000	-
Nhận đặt cọc mua cổ phiếu	4.105.900.000	198.180.000
Phải trả ngắn hạn khác	120.468.206	1.466.476.807
Dài hạn		
Nhận đặt cọc	<u>455.238.000</u>	<u>378.238.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>113.185.506.206</u>	<u>2.042.894.807</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả đối tượng khác</i>	112.995.268.206	1.928.996.807
<i>Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	<u>190.238.000</u>	<u>113.898.000</u>

20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn khác thể hiện khoản trợ cấp thôi việc phải trả được trích lập theo Điều 48 của Bộ luật Lao động, như được đề cập trong Thuyết minh số 3.10.

Công ty Cổ phần VNG

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 *Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
					VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	324.927.330.000	500.524.140.853	(974.872.233.960)	2.258.538.245.082	2.109.117.481.975
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	54.150.109.711	54.150.109.711
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	324.927.330.000	500.524.140.853	(974.872.233.960)	2.312.688.354.793	2.163.267.591.686
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	330.902.300.000	504.346.370.853	(974.872.233.960)	2.556.268.085.111	2.416.644.522.004
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(352.841.073.700)	-	(352.841.073.700)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	385.289.403.798	385.289.403.798
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	330.902.300.000	504.346.370.853	(1.327.713.307.660)	2.941.557.488.909	2.449.092.852.102

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Số lượng cổ phần Ngày 31 tháng 12 năm 2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	33.090.230	33.090.230
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	33.090.230	33.090.230
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	25.626.148	26.686.994
Số lượng cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.464.082	6.403.236

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết không hạn chế.

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Doanh thu dịch vụ trò chơi trực tuyến	1.444.970.966.465	739.500.165.104
Doanh thu dịch vụ quảng cáo trực tuyến	237.827.950.059	138.602.728.078
Doanh thu dịch vụ nhạc chờ	8.732.056.086	13.968.713.311
Doanh thu dịch vụ tiếp thị	2.278.126.850	31.590.908
Doanh thu dịch vụ thanh toán trực tuyến	-	837.867.104
Doanh thu khác	4.953.674.585	3.060.536.915
TỔNG CỘNG	1.698.762.774.045	896.001.601.420
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	1.382.379.754.684	471.979.856.729
<i>Doanh thu đối với các bên liên quan</i>	316.383.019.361	424.021.744.691

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU (tiếp theo)

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Tiền lãi	32.960.615.727	25.633.782.748
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.622.505.201	570.043.977
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	16.784.555	-
TỔNG CỘNG	<u>34.599.905.483</u>	<u>26.203.826.725</u>

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	236.695.492	52.958.705
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	126.700.317
TỔNG CỘNG	<u>236.695.492</u>	<u>179.659.022</u>

24. CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Lỗ thanh lý và xóa sổ tài sản cố định	11.612.954.014	-
Phạt do kết thúc hợp đồng	-	697.545.558
Chi phí khác	1.083.941.489	326.593.195
LỖ KHÁC THUẦN	<u>12.696.895.503</u>	<u>1.024.138.753</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Phí phần mềm	500.785.141.721	256.473.313.901
Chi phí dịch vụ mua ngoài	404.834.665.356	298.227.754.784
Chi phí nhân viên	255.436.011.274	235.048.682.970
Chi phí khấu hao (<i>Thuyết minh số 10 và 11</i>)	52.740.784.453	45.985.994.401
Công cụ, dụng cụ	15.121.078.394	9.600.312.680
Chi phí khác	8.124.743.506	7.875.655.199
TỔNG CỘNG	<u>1.237.042.424.704</u>	<u>853.211.713.935</u>

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) của Công ty trong kỳ hiện hành là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	99.831.314.799	11.717.163.696
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	(535.618.150)	2.822.824.182
TỔNG CỘNG	<u>99.295.696.649</u>	<u>14.539.987.878</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>484.585.100.447</u>	<u>68.690.097.589</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	96.917.020.089	13.738.019.518
Điều chỉnh tăng: Chi phí không được khấu trừ	2.378.676.560	801.968.360
Chi phí thuế TNDN	<u>99.295.696.649</u>	<u>14.539.987.878</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

26.3 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và các biến động như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí phải trả	5.061.164.908	1.309.493.090	3.751.671.818	(830.195.919)
Trợ cấp thôi việc phải trả	973.227.241	1.138.417.983	(165.190.742)	(86.584.541)
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	261.148.870	108.216.693	152.932.177	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	108.206.365	108.206.365	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(3.356.911)	(1.608.938)	(1.747.973)	40.507.499
Dự phòng tổn thất tài sản	-	3.202.047.130	(3.202.047.130)	(7.930.803.429)
Lãi tiền gửi dự thu	-	-	-	5.984.252.208
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	6.400.390.473	5.864.772.323		
Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại			535.618.150	(2.822.824.182)

VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư hoặc nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một nhóm công ty.

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán không cần bảo đảm và không có lãi suất.

Những nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Công ty Cổ phần Dịch vụ - Dữ liệu Công nghệ Thông tin Vi Na	Công ty con	Chi phí thuê chỗ đặt máy chủ và thuê cước đường truyền	91.111.077.426	78.140.701.316
		Thanh lý tài sản cố định hữu hình	9.147.413.163	4.180.735.195
		Mua dịch vụ	871.627.028	483.290.895
		Cung cấp dịch vụ	15.288.182	-
		Mua hàng hóa	-	24.164.544.730
Công ty TNHH Zion	Công ty con	Doanh thu phân chia	834.165.911.060	-
		Góp vốn	30.000.000.000	20.000.000.000
		Mua dịch vụ	12.294.227.925	329.892.705
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	1.668.040.121
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ và Phần mềm Vi Na	Công ty con	Chi phí thuê chỗ đặt máy chủ và thuê cước đường truyền	15.295.783.000	16.501.010.200
		Phí phần mềm	119.857.470.956	107.765.483.264
Công ty Cổ phần Dịch vụ mạng Vi Na	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo	801.754.143	864.470.932
		Mua dịch vụ	50.944.436	-
Công ty TNHH Giải trí Long Đĩnh	Công ty con	Doanh thu phân chia	67.722.919.092	71.835.355.218
		Mua dịch vụ	4.647.008.901	7.823.070.289
		Doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo	74.908.000	423.952.991

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Công ty TNHH Nội dung số Nguyễn Bảo	Công ty con	Doanh thu phân chia Doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo	43.541.490.011 339.503	63.466.744.470 1.387.902
VNG Singapore Pte., Ltd.	Công ty con	Phí phần mềm	-	10.281.500.452
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Truyền thông Thanh Sơn	Công ty liên kết	Bán thẻ trò chơi trả trước Mua hàng hóa và dịch vụ	315.466.374.545 2.777.421.485	421.061.071.690 5.981.987.091
Công ty TNHH Truyền thông Minh Phương Thịnh	Công ty con	Doanh thu phân chia Doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo	105.716.318.854 853.048	51.918.455.640 1.118.695
Công ty Cổ phần Trực tuyến BP	Công ty con	Doanh thu phân chia Doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo	- -	10.007.994.538 1.702.360
Công ty Cổ phần Công nghệ EPI	Công ty con	Mua dịch vụ	42.557.745.612	18.896.093.467
Công ty TNHH VNG Online	Công ty con	Mua dịch vụ Doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo	28.135.266.502 -	22.741.695.459 -
Công ty Cổ phần Ti Ki	Công ty liên kết	Doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo Góp vốn và mua lại cổ phần	23.501.940 -	- 337.200.013.518
Tencent Holdings Limited	Bên liên quan	Phí nghiên cứu thị trường	-	650.051.150

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc bao gồm lương và các chi phí liên quan như sau:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Thành viên Hội đồng Quản trị	764.599.000	1.073.090.891
Thành viên Ban Giám đốc	<u>10.282.474.408</u>	<u>9.303.558.720</u>
TỔNG CỘNG	<u>11.047.073.408</u>	<u>10.376.649.611</u>

Số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	VND	
			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty TNHH Zion	Công ty con	Doanh thu phân chia	89.599.815.425	-
		Mua dịch vụ Zalopay	17.598.024.710	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Truyền thông Thanh Sơn	Công ty liên kết	Bán thẻ trò chơi trả trước	7.655.020.000	23.715.355.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ - Dữ liệu Công nghệ Thông tin Vi Na	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.817.000	-
Công ty Cổ phần Ti Ki	Công ty liên kết	Doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo	3.080.000	193.340.433
Công ty Cổ phần Dịch vụ mạng Vi Na	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo	-	33.374.580
			<u>114.872.757.135</u>	<u>23.942.070.013</u>
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Truyền thông Thanh Sơn	Công ty liên kết	Mua thẻ trò chơi trả trước	182.856.150	-
Công ty TNHH Zion	Công ty con	Mua dịch vụ	132.650.000	-
			<u>315.506.150</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Các khoản phải thu khác				
Công ty TNHH Giải trí Long Đĩnh	Công ty con	Đặt cọc Chi phí chi hộ	67.000.000.000 3.516.450	67.000.000.000 -
Ông Lê Hồng Minh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc	Tiền lãi phải thu	22.286.904.538	19.602.003.077
Công ty Cổ phần Dịch vụ - Dữ liệu Công nghệ Thông tin Vi Na	Công ty con	Chi phí chi hộ	10.115.995.656	-
Công ty TNHH Phát triển Phần mềm VNG	Công ty con	Chi phí chi hộ	6.368.693.796	-
VNG Singapore Pte., Ltd.	Công ty con	Chi phí chi hộ	5.680.405.148	1.136.947.892
Công ty TNHH Zion	Công ty con	Chi phí chi hộ	5.439.030.699	25.399.243.610
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ và Phần mềm Vi Na	Công ty con	Chi phí chi hộ	4.751.105.545	4.750.565.750
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Truyền thông Thanh Sơn	Công ty liên kết	Chi phí chi hộ	720.343.730	1.987.240.892
Công ty Cổ phần Dịch vụ mạng Vi Na	Công ty con	Chi phí chi hộ	551.974.671	1.187.353.278
Công ty TNHH VNG Online	Công ty con	Chi phí chi hộ	152.921.595	325.768.005
Công ty Cổ phần Công nghệ EPI	Công ty con	Chi phí chi hộ	120.501.289	598.625.834
Công ty Cổ phần Trực tuyến BP	Công ty con	Chi phí chi hộ	32.000	12.000
			123.191.425.117	121.987.760.338

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải thu về cho vay ngắn hạn				
Ông Lê Hồng Minh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc	Cho vay	<u>250.143.473.900</u>	<u>250.143.473.900</u>
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH Phát triển Phần mềm VNG	Công ty con	Mua phần mềm	(175.067.874.058)	(106.597.002.625)
Công ty Cổ phần Dịch vụ - Dữ liệu Công nghệ Thông tin Vi Na	Công ty con	Chi phí cước đường truyền	(50.995.530.121)	(33.286.667.157)
Công ty TNHH Giải trí Long Đình	Công ty con	Thu hộ	(37.046.611.396)	(12.769.767.521)
Công ty Cổ phần Công nghệ EPI	Công ty con	Chi phí dịch vụ quảng cáo trực tuyến	(36.335.497.958)	(7.017.477.784)
Công ty TNHH Truyền thông Minh Phương Thịnh	Công ty con	Thu hộ	(20.404.164.655)	(20.119.164.361)
Công ty TNHH Nội dung số Nguyễn Bảo	Công ty con	Thu hộ	(20.224.169.992)	(9.493.427.779)
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ và Phần mềm Vi Na	Công ty con	Chi phí thuê chỗ đặt máy chủ	(15.567.258.480)	(2.741.897.180)
Công ty TNHH VNG Online	Công ty con	Thu hộ	(7.165.053.703)	(6.139.288.549)
VNG Singapore Pte., Ltd.	Công ty con	Mua dịch vụ	(6.228.574.488)	-
Công ty TNHH Zion	Công ty con	Mua dịch vụ	(2.067.254.360)	(1.884.503.140)
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Truyền thông Thanh Sơn	Công ty liên kết	Mua thẻ trò chơi trả trước	-	(152.843.200)
Công ty Cổ phần Dịch vụ mạng Vi Na	Công ty con	Mua dịch vụ	-	(5.600.000)
			<u>(371.101.989.211)</u>	<u>(200.207.639.296)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh số 17)				
Công ty TNHH Truyền thông Minh Phương Thịnh	Công ty con	Doanh thu phân chia	(18.345.645.801)	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ - Dữ liệu Công nghệ Thông tin Ví Na	Công ty con	Chi phí thuê chỗ đặt máy chủ và thuê cước đường truyền	(4.290.551.436)	-
Tencent Holdings Limited	Bên liên quan	Phí nghiên cứu thị trường	(650.051.150)	(650.051.150)
			(23.286.248.387)	(650.051.150)
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty TNHH Zion	Công ty con	Doanh thu của 123mua	-	(660.000)
Phải trả dài hạn khác				
Công ty Cổ phần Công nghệ EPI	Công ty con	Ký quỹ	(113.238.000)	(113.238.000)
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Truyền thông Thanh Sơn	Công ty liên kết	Mua thẻ trò chơi trả trước	(77.000.000)	-
			(190.238.000)	(113.898.000)

28. CÁC CAM KẾT

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Dưới 1 năm	30.121.287.391	19.368.307.459
Từ 1 đến 5 năm	11.557.595.444	13.800.601.473
TỔNG CỘNG	41.678.882.836	33.168.908.932

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ CHI TRẢ BẰNG CỔ PHIẾU

Ban Giám đốc đã quyết định không hạch toán nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu trên báo tài chính riêng cho đến khi quyền mua được thực hiện mà chỉ trình bày các thông tin liên quan đến các nghiệp vụ này trong thuyết minh bên dưới do chưa có hướng dẫn cụ thể về cách hạch toán các nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Chi tiết nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu được trình bày như bên dưới:

Chương trình cổ phiếu cho nhân viên lần I (“ESOP I”)

Công ty có ESOP I (quyền mua cổ phiếu với giá 10.000 VND/cổ phiếu) từ năm 2009 đến năm 2011. Theo chương trình này, tổng số quyền mua cổ phiếu là 3.439.615 và được cấp trong vòng 3 năm, từ tháng 6 năm 2009 đến tháng 6 năm 2011.

1. *Kế hoạch thực hiện*

Quyền mua đến hạn thực hiện hàng năm trong vòng 5 năm, tính từ ngày cấp đầu tiên.

2. *Các điều khoản*

- (i) Với mỗi 12 tháng kể từ ngày cấp quyền, nhân viên được phép thực hiện 20% tổng số quyền mua cổ phần được cấp (làm tròn xuống đến hàng đơn vị). Nhân viên bắt đầu được thực hiện quyền mua cổ phiếu sau khi kết thúc 12 tháng kể từ ngày được cấp quyền mua.
- (ii) Quyền mua cổ phiếu được thực hiện mỗi năm một đợt từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 7 hàng năm. Quyền mua cổ phiếu đã phát sinh trong một năm chỉ được thực hiện trong đợt thực hiện quyền của năm đó. Quá thời hạn trên, toàn bộ quyền mua cổ phiếu của năm tương ứng mà nhân viên chưa thực hiện sẽ bị hủy bỏ.

3. *Điều kiện*

- (i) Nhân viên chỉ được quyền thực thi quyền mua cổ phiếu với điều kiện là vẫn đang làm việc tại Công ty tại thời điểm thực thi quyền mua cổ phiếu; tại bất kỳ thời điểm nào mà nhân viên ngừng làm việc tại Công ty vì bất kỳ lý do gì, mọi quyền chọn mua chưa được thực hiện sẽ bị hủy bỏ.
- (ii) Chính sách này sẽ được thay đổi tùy từng thời điểm phụ thuộc vào quyết định của Công ty.

Biến động của số lượng quyền mua đã cấp và giá thực hiện trong kỳ được trình bày như sau:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	
	Giá (VND)	Số lượng quyền mua	Giá (VND)	Số lượng quyền mua
Số dư vào ngày 1 tháng 1	10.000	75.548	10.000	297.222
Cấp trong kỳ	10.000	-	10.000	-
Mất quyền mua trong kỳ	10.000	-	10.000	(3.400)
Thực hiện quyền mua trong kỳ	10.000	-	10.000	-
Số dư tại ngày 30 tháng 6		75.548		293.822

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ CHI TRẢ BẰNG CỔ PHIẾU (tiếp theo)

Chương trình quyền chọn mua cho nhà cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến
Công ty đã ký Hợp đồng Quyền chọn mua cổ phiếu phổ thông ("Hợp đồng Quyền chọn") với một nhà cung cấp trò chơi trực tuyến vào ngày 1 tháng 8 năm 2010. Theo hợp đồng này, nhà cung cấp trò chơi trực tuyến được cấp số lượng quyền mua cổ phiếu phổ thông ("quyền mua") tối đa là 1.859.251 cổ phiếu phổ thông của Công ty với mức giá đã được ấn định là 8,0678 USD/cổ phiếu.

Theo Hợp đồng Quyền chọn, nhà cung cấp trò chơi trực tuyến có thể thực hiện quyền mua (1.549.375 cổ phiếu phổ thông) với số lượng bằng nhau hàng quý bắt đầu từ ngày 1 tháng 8 năm 2010 đến ngày 31 tháng 7 năm 2016. Nếu Công ty hoàn thành việc phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng ("IPO") trước ngày 31 tháng 7 năm 2016, tất cả quyền chọn mua 1.859.251 cổ phiếu thường của Công ty sẽ được thực hiện ngay lập tức trước khi IPO.

Theo Phụ lục sửa đổi ngày 24 tháng 10 năm 2014, quyền mua 1.032.917 cổ phiếu phổ thông đã được thỏa mãn với các điều kiện theo Hợp đồng Quyền chọn và nhà cung cấp trò chơi trực tuyến có toàn quyền thực hiện các quyền đó theo thời gian hoặc bất cứ lúc nào, với điều kiện là tất cả quyền chọn sẽ được thực hiện trước hoặc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020. Việc đăng ký quyền mua 516.458 cổ phiếu phổ thông theo Hợp đồng Quyền chọn và quyền chọn mua 309.876 cổ phiếu phổ thông còn lại (có nghĩa là 1.859.251 cổ phiếu phổ thông trừ đi 1.549.375 cổ phiếu phổ thông) sẽ không có hiệu lực kể từ ngày ký phụ lục C, và không bên nào có quyền yêu cầu bên kia bồi thường cho việc không thực hiện quyền này.

Chương trình cổ phiếu cho nhân viên lần II ("ESOP II")

Công ty có ESOP II (quyền mua cổ phiếu với giá 20.000 VND/cổ phiếu) với tổng số quyền mua cổ phiếu là 3.551.232 và được cấp từ tháng 7 năm 2012 đến hết năm 2018.

1. Kế hoạch thực hiện

Quyền mua đến hạn thực hiện hàng năm trong vòng 5 năm, tính từ ngày cấp đầu tiên. Các quyền mua được cấp sau ngày 28 tháng 5 năm 2015 được thực hiện trong vòng 3-4 năm kể từ ngày cấp đầu tiên.

2. Các điều khoản

- (i) Với mỗi 12 tháng kể từ ngày cấp quyền, nhân viên được phép thực hiện 20% tổng số quyền mua cổ phần được cấp (làm tròn xuống đến hàng đơn vị). Đối với quyền mua được cấp sau ngày 28 tháng 5 năm 2015, tỷ lệ này là 33,33% (hoặc 25% trong trường hợp đặc biệt). Nhân viên bắt đầu được thực hiện quyền mua cổ phần sau khi kết thúc 12 tháng kể từ ngày được cấp quyền mua.
- (ii) Quyền mua cổ phần được thực hiện mỗi năm hai đợt từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 1 và từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 7 hàng năm. Quyền mua cổ phần đã phát sinh trong một năm chỉ được thực hiện trong đợt thực hiện quyền tương ứng của năm đó. Quá thời hạn trên, toàn bộ quyền mua cổ phần chưa được thực hiện sẽ bị hủy bỏ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ CHI TRẢ BẰNG CỔ PHIẾU (tiếp theo)

Chương trình cổ phiếu cho nhân viên lần II (“ESOP II”) (tiếp theo)

3. Điều kiện

- (i) Nhân viên chỉ được quyền thực thi quyền mua cổ phiếu với điều kiện là vẫn đang làm việc tại Công ty tại thời điểm thực thi quyền mua cổ phiếu; tại bất kỳ thời điểm nào mà nhân viên ngừng làm việc tại Công ty vì bất kỳ lý do gì, mọi quyền chọn mua chưa được thực hiện sẽ bị hủy bỏ.
- (ii) Chính sách này sẽ được thay đổi tùy từng thời điểm phụ thuộc vào quyết định của Công ty.

Chi tiết chương trình cổ phiếu cho nhân viên được thể hiện như sau:

Ngày cấp	Phân bổ	Giá (VND)	Số lượng quyền mua
Ngày 1 tháng 7 năm 2012 (thực tế)	4%	20.000	125.096
Ngày 1 tháng 7 năm 2013 (thực tế)	22%	20.000	788.500
Ngày 1 tháng 7 năm 2014 (thực tế)	25%	20.000	884.275
Ngày 1 tháng 7 năm 2015 (thực tế)	3%	20.000	106.496
Ngày 1 tháng 7 năm 2016 (thực tế)	20%	20.000	711.803
Ngày 1 tháng 7 năm 2017 (thực tế)	16%	20.000	572.010
2018	10%	20.000	363.052
TỔNG CỘNG	100%		3.551.232

Biến động của số lượng quyền mua đã cấp và giá thực hiện trong năm được trình bày như sau:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	
	Giá (VND)	Số lượng quyền mua	Giá (VND)	Số lượng quyền mua
Số dư tại ngày 1 tháng 1	20.000	1.580.257	20.000	1.293.053
Cấp trong kỳ	20.000	572.010	20.000	320.600
Mất quyền mua trong kỳ	20.000	(10.810)	20.000	(16.476)
Thực hiện quyền mua trong kỳ	20.000	-	20.000	-
Số dư tại ngày 30 tháng 6		2.141.457		1.597.177

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Đoàn Thanh Thủy
Người lập



Lê Trung Tín
Kế toán trưởng



Lê Hồng Minh
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2017